

Đáp án

1-B	2-D	3-C	4-A	5-B	6-A	7-A	8-D	9-B	10-B
11-C	12-D	13-A	14-C	15-B	16-B	17-D	18-A	19-B	20-C
21-A	22-A	23-A	24-A	25-B	26-B	27-A	28-B	29-A	30-A

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Question 1: Đáp án B

Nổi hai mệnh đề cùng chủ ngữ, do động từ ở chủ động và nhấn mạnh tính hoàn thành nên ta dùng Having Vpp.

Dịch nghĩa: Sau khi làm xong, họ về nhà.

Question 2: Đáp án D

Giảm mệnh đề.

Câu gốc là: The girl who is standing behind you, sau khi rút gọn ở dạng chủ động với V-ing ta được The girl standing behind you.

Dịch nghĩa: Bé gái đứng sau bạn rất nghịch ngợm.

Question 3: Đáp án C

Câu gốc: The farmers had finished their farm work. The farmers returned home.

Nổi hai câu cùng chủ ngữ ở chủ động ta dùng hiện tại phân từ, để nhấn mạnh tính hoàn thành ta dùng Having Vpp.

Dịch nghĩa: Hoàn thành công việc ở trang trại, những người nông dân quay về nhà.

Question 4: Đáp án A

Câu gốc: The clavichord was broken by the visitor, the clavichord could not be used. Nổi hai mệnh đề cùng chủ ngữ ở dạng bị động, ta dùng Vpp.

Dịch nghĩa: Bị vị khách làm vỡ, cái đàn clavichord không thể được sử dụng nữa.

Question 5: Đáp án B

Câu gốc: After I eat dinner, I watch television. Rút gọn mệnh đề ở dạng chủ động, ta dùng hiện tại phân từ V-ing.

Dịch nghĩa: Sau khi ăn tối, tôi xem TV.

Question 6: Đáp án A

Câu gốc: When letters of credit are used in international trade, letters of credit are convenient. Nổi hai mệnh đề cùng chủ ngữ ở bị động, ta dùng quá khứ phân từ Vpp.

Dịch nghĩa: Khi được sử dụng ở thị trường quốc tế, thư tín dụng rất tiện lợi.

Question 7: Đáp án A

Câu gốc: She swam to the shore (after) she had spent the night in the water. Rút gọn hai mệnh đề cùng chủ ngữ ở chủ động ta dùng hiện tại phân từ, do ở đây nhấn mạnh tính hoàn thành nên chuyển thành Having Vpp.

Dịch nghĩa: Sau khi ngâm mình cả tối dưới nước, cô ấy bơi vào bờ.

Question 8: Đáp án D

Câu gốc: I believe here is somebody who is knocking on the door. Để giảm mệnh đề quan hệ đang ở chủ động, ta dùng hiện tại phân từ V-ing.

Tôi tin có ai đó đang gõ cửa.

Question 9: Đáp án B

Câu gốc: The lady who is dressing in blue is her aunt. Giảm mệnh đề quan hệ đang ở chủ động ta dùng hiện tại phân từ V-ing.

Dịch nghĩa: Quý bà trong bộ đầm xanh là dì của cô ấy.

Question 10: Đáp án B

Judging from: căn cứ vào

Cấu trúc này tương tự Knowing that..., ta luôn dùng ở V-ing

Dịch nghĩa: Căn cứ vào những gì bạn nói, bạn vô tội.

Question 11: Đáp án C

Câu gốc: He had appointed you to the job, he felt calm.

Để rút gọn mệnh đề cùng chủ ngữ ở chủ động, ta dùng hiện tại phân từ, trong câu này nhấn mạnh tính hoàn thành nên có thêm Having và được chuyển thành Having appointed

Dịch nghĩa: Sau khi tiến cử bạn cho vị trí đó, anh ta thấy thoải mái.

Question 12: Đáp án D

Câu gốc: The doll costs so much, the doll is still on the shelf. Để rút gọn mệnh đề cùng chủ ngữ ở chủ động ta dùng hiện tại phân từ V-ing.

Dịch nghĩa: Tốn nhiều tiền quá nên con búp bê vẫn còn nằm trên kệ.

Question 13: Đáp án A

Câu gốc: He was laughed at by everyone, he was disappointed. Rút gọn mệnh đề cùng chủ ngữ ở bị động, ta dùng quá khứ phân từ Vpp.

Dịch nghĩa: Bị mọi người cười nhạo, anh ta rất thất vọng.

Question 14: Đáp án C

Câu gốc: They were anxious to please us, they told us all we wanted to know. Rút gọn mệnh đề cùng chủ ngữ ở chủ động, ta dùng hiện tại phân từ V-ing.

Dịch nghĩa: Lo lắng phải làm hài lòng chúng tôi, họ cung cấp cho chúng tôi tất cả những gì chúng tôi muốn biết.

Question 15: Đáp án B

Cả A, C, D đều là giảm mệnh đề ở hiện tại phân từ, tuy nhiên hai chủ ngữ khác nhau (chúng tôi đi vào, người đàn ông k còn ở đó nữa) nên không thể là dạng hai mệnh đề cùng chủ ngữ rút gọn về phân từ được.

Dịch nghĩa: Khi chúng tôi bước vào phòng, người đàn ông đã không còn ở đó nữa.

Question 16: Đáp án B

Câu gốc: Since he opened his new business, Bob has been working 16 hours a day. Rút gọn mệnh đề cùng chủ ngữ ở chủ động, ta dùng hiện tại phân từ V-ing.

Dịch nghĩa: Từ khi bắt đầu mở doanh nghiệp, Bob làm việc 16h một ngày.

Question 17: Đáp án D

Những bộ phim kinh dị gây sợ hãi và gây chán, ở chủ động nên ta dùng adj đuôi -ing.

Dịch nghĩa: Tôi cực thích xem phim kinh dị nhưng chị gái tôi thì không. Chị ấy nghĩ chúng rất đáng sợ và nhàm chán.

Question 18: Đáp án A

interest: gây hứng thú

Nhiếp ảnh gây hứng thú cho bạn = Bạn bị gây hứng thú => dùng bị động, adj đuôi -ed

Dịch nghĩa: Tôi không nghĩ là bạn hứng thú với nhiếp ảnh.

Question 19: Đáp án B

worry: gây lo ngại

Những hậu quả đáng lo ngại, khiến mọi người lo lắng, ở chủ động nên ta dùng adj đuôi -ing.

Dịch nghĩa: Dầu loang ở bờ biển Belgian dẫn đến những hậu quả đáng lo ngại đến ngành công nghiệp.

Question 20: Đáp án C

Sophisticated: phức tạp

k có tính từ sophisticating

Dịch nghĩa: Ban Thiết kế của chúng tôi gần đây đã mua phần mềm phức tạp nhất có trên thị trường, với mục đích nâng cao khả năng thiết kế của chúng tôi.

Question 21: Đáp án A

Vì đứng sau là danh từ nên ta cần bổ sung tính từ ở phía trước chứ không phải phó từ. Một cách đáng báo động (ở chủ động) nên ta dùng adj đuôi -ing.

Dịch nghĩa: Máy bay bắt đầu di chuyển một cách đáng báo động.

Question 22: Đáp án A

exhaust: làm mệt mỏi

Tôi bị công việc làm cho mệt mỏi, tôi bị động nên dùng adj đuôi -ed.

Dịch nghĩa: Xin lỗi, tôi không thể đến tối nay được. Tôi kiệt sức rồi.

Question 23: Đáp án A

Khi hỏi bạn có vấn đề gì không thì ta suy ra là nhìn bạn đó có vẻ (bị) lo lắng, chứ không phải bạn ấy đang gây lo lắng cho người khác. Dùng tính từ bị động đuôi -ed.

Dịch nghĩa: Bạn trông có vẻ lo lắng. Bạn có vấn đề gì à?

Question 24: Đáp án A

disgust: gây ghê tởm

Đồ ăn khiến tôi phát ghê chứ không phải đồ ăn bị ghê bởi cái gì khác. Do đó ta dùng adj đuôi -ing.

Dịch nghĩa: Tôi không thể ăn cái này được. Ghê quá.

Question 25: Đáp án B

Những địa điểm gây thú vị, khiến người thú vị, không phải là bị gây hứng thú nên ta dùng adj đuôi -ing ở chủ động.

Dịch nghĩa: Chúng tôi đã thăm quan rất nhiều địa điểm thú vị trong kì nghỉ dưỡng.

Question 26: Đáp án B

frighten: làm ai sợ

Việc bay khiến cô ấy sợ = Cô ấy bị sợ, bị động nên ta dùng adj đuôi -ed.

Dịch nghĩa: Cô ấy không thích bay, cô ấy sợ bay.

Question 27: Đáp án A

It's adj (for sb) to V.

Trong cấu trúc này thì adj là tính từ bổ sung cho cả cụm/ mệnh đề phía sau. Ở đây mệnh đề đó là việc anh ta bị bắt đi không vé, việc này gây xấu hổ, chứ không nói anh ta bị xấu hổ. Do đó dùng đuôi -ing.

Dịch nghĩa: Thật là đáng xấu hổ cho Tom khi anh ta bị bắt đi tàu mà không có vé.

Question 28: Đáp án B

Disappoint: gây thất vọng

Bài thi gây thất vọng cho anh ta = anh ta bị thất vọng, bị động nên ta dùng quá khứ phân từ Vpp.

Dịch nghĩa: Anh ta cực thất vọng vì kết quả bài thi.

Question 29: Đáp án A

relax: thư giãn

Chuyến đi, kì nghỉ khiến người khác thư giãn chứ không phải bị thư giãn nên ta dùng adj chủ động đuôi -ing.

Dịch nghĩa: Tôi nghĩ tôi có thể làm một chuyến đi nghỉ dưỡng.

Question 30: Đáp án A

move: gây cảm động

câu chuyện gây cảm động nên ta dùng adj chủ động đuôi -ing.

Dịch nghĩa: Câu chuyện cảm động đến nỗi tất cả mọi người đều khóc.